

SỞ Y TẾ GIA LAI  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: /TTKSBT-D-VTYT  
V/v mời báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng vắc xin tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu mua sắm vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai năm 2026 – 2027, với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – VTYT

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai, Khu C3, đường Điện Biên Phủ, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02563.548.956; Hoặc 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02693.824.372; email: khoaduocktksbtgialai@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày phát thông báo

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày .../.../2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục hàng hóa: Chi tiết tại phụ lục I kèm theo
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai - Khu C3, đường Điện Biên Phủ, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai và 177 Cách Mạng Tháng 8, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai rất mong sự phối hợp của Quý đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công TTĐT TTKSBT;
- Mạng đấu thầu Quốc gia;
- Lưu: VT, Hồ sơ thầu.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Truyền**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ**

(Kèm theo Công văn số /TTKSBT-D-VTYT ngày tháng 3 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

Số TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	G1.01.N1	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5 ml chứa: virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Nhóm 1	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5 ml chứa: virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	800	
2	G1.02.N1	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	500	
3	G1.03.N1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	Tiêm	Thuốc tiêm	Xylanh	2.900	
4	G1.04.N1	Mỗi liều 0,5ml chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Nhóm 1	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	2.100	

5	G1.05.N1	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi-rút HPV ở người tít 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	Nhóm 1	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	200	
6	G1.06.N1	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Tít 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Tít 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Tít 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae tít b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Tít 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Tít 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Tít 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae tít b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	550	
7	G1.07.N1	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30$ IU; Giải độc tố uốn ván $\geq 40$ IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt tít 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt tít 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt tít 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza tít b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Nhóm 1	$\geq 30$ IU; $\geq 40$ IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm	Thuốc tiêm đóng khô	Liều	1.000	
8	G1.08.N1	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	Nhóm 1	2ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Tuýp	100	

9	G1.09.N1	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 $\geq 10^{6,0}$ CCID <sub>50</sub>	Nhóm 1	$\geq 10^{6,0}$ CCID <sub>50</sub>	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	450	
10	G1.10.N1	Lọ (0.5ml): Vi-rút sởi $\geq 1.000$ CCID <sub>50</sub> ; Vi rút Quai bị $\geq 12.500$ CCID <sub>50</sub> ; Vi rút Rubella $\geq 1.000$ CCID <sub>50</sub>	Nhóm 1	0.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	500	
11	G1.11.N1	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Nhóm 1	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	800	
12	G1.12.N1	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phé cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Nhóm 1	0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	100	

13	G1.13.N1	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phé cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg týp huyết thanh 6B, cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ nhôm phosphat	Nhóm 1	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phé cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg týp huyết thanh 6B, cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	200	
14	G1.14.N1	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh týp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh týp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh týp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Nhóm 1	(2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 4,4 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg; 2,2 mcg)/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	200	
15	G1.15.N1	Một liều (0,5ml) chứa: 1mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 1 <sup>1,2</sup> , 5 <sup>1,2</sup> , 6B <sup>1,2</sup> , 7F <sup>1,2</sup> , 9V <sup>1,2</sup> , 14 <sup>1,2</sup> , 23F <sup>1,2</sup> và 3mcg của các týp huyết thanh 4 <sup>1,2</sup> , 18C <sup>1,3</sup> , 19F <sup>1,4</sup>	Nhóm 1	1mcg; 3mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	200	

16	G1.16.N1	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated $\geq$ 1350 PFU/lọ	Nhóm 1	$\geq$ 1350PFU/lọ	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	300	
17	G1.17.N2	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B	Nhóm 2	(Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	400	
18	G1.18.N4	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx$ 20 $\mu$ g/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2.200	
19	G1.19.N4	Kháng thể kháng vi rút dại	Nhóm 4	1000 IU/ lọ 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2.000	
20	G1.20.N4	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Nhóm 4	1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300	
21	G1.21.N4	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	Nhóm 4	$\geq$ 40 đvqt	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	500	
22	G1.22.N4	Globulin kháng độc tổ uốn ván	Nhóm 4	1500 đvqt	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	500	
23	G1.23.N5	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	Nhóm 5	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	300	
24	G1.24.N5	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); - Protein giải độc tổ Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tổ Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 $\mu$ g (mcg)	Nhóm 5	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 $\mu$ g (mcg); - Protein giải độc tổ Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tổ Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 $\mu$ g (mcg)	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	50	

25	G1.25.N5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Nhóm 5	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50µg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50µg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	250	
26	G1.26.N5	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	Nhóm 5	3mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	100	
27	G1.27.N5	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus sởi $\geq 1000$ CCID <sub>50</sub> ; Virus Quai bị $\geq 5000$ CCID <sub>50</sub> ; Virus rubella $\geq 1000$ CCID <sub>50</sub>	Nhóm 5	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus sởi $\geq 1000$ CCID <sub>50</sub> ; Virus Quai bị $\geq 5000$ CCID <sub>50</sub> ; Virus rubella $\geq 1000$ CCID <sub>50</sub>	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	200	
28	G1.28.N5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$ ) 20mcg	Nhóm 5	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	700	
29	G1.29.N5	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	Nhóm 5	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	3.900	
30	G1.30.N5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Nhóm 5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	100	
<b>Tổng cộng</b>				<b>30 mặt hàng</b>					

**Phụ lục II**  
**MẪU BÁO GIÁ THAM KHẢO**

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá Vắc xin như sau:

1. Báo giá cung cấp Vắc xin

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
...											
					Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng      ngày, kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ..... tháng .... năm ....[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I-Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.....năm....

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))